

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K



## MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8 - 9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 - 25

47  
10  
10  
10A  
10  
10

D  
C  
H  
M

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc 31/12/2013.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP (sau đây gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 29003326375 lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính: Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan; phường Quán Bàu; thành phố Vinh; tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo**

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT
Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Ủy viên HĐQT

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Minh Châu	Giám đốc điều hành

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

79  
NG  
TẾ  
V  
G  
D  
Y

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Địa chỉ: Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P.Quán Bàu, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An.

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng ngoài sự kiện phát sinh sau năm tài chính nêu trên, không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vinh, ngày 18 tháng 12 năm 2014





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : San KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669  
Chi nhánh Miền nam : C14, Quang Trung, phường 11 - Tel: (08) 3 589 7462 - Fax: (08) 3 589 7464  
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM : Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM - Tel: (08) 3 848 0763 - Fax: (08) 3 526 7187  
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng - Tel: (051) 3 651 818 - Fax: (051) 3 651 868  
Chi nhánh Lạng Sơn : Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu - Tel: (025) 3 718 545 - Fax: (025) 3 716 264

Số: 191.3/2014/BCKT - TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP được lập ngày 18/12/2014, từ trang 05 đến trang 25, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2015

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**



**Phó Tổng Giám đốc**

**NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán  
Số: 1129-2014-045-1

**Kiểm toán viên**

**NGUYỄN TIÊN THÀNH**

Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán  
Số: 1706-2014-045-1

HAI  
+ G  
JG  
HA

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>44.445.165.501</b>	<b>23.296.541.413</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110		<b>4.045.483.927</b>	<b>19.398.319</b>
1. Tiền	111	V.01	4.045.483.927	19.398.319
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120	V.02	<b>9.609.341.244</b>	<b>7.485.829.404</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.609.341.244	7.485.829.404
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>11.062.530.684</b>	<b>14.620.322.888</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	7.071.969.010	5.847.978.386
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	962.506.828	6.643.158.120
5. Các khoản phải thu khác	135	V.05	7.386.495.281	5.206.219.157
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		(4.358.440.435)	(3.077.032.775)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		<b>6.071.366.325</b>	<b>26.900.867</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	6.071.366.325	26.900.867
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>13.656.443.321</b>	<b>1.144.089.935</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		409.277	849.998
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.753.986.130	146.470.841
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		53.030.837	28.030.837
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	10.849.017.077	968.738.259
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>38.533.989.398</b>	<b>25.796.616.909</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>29.192.757.418</b>	<b>22.925.612.413</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	221	V.08	<b>28.264.550.625</b>	<b>22.395.906.049</b>
- Nguyên giá	222		35.867.721.666	28.092.170.603
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(7.603.171.041)	(5.696.264.554)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	928.206.793	529.706.364
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		<b>9.100.000.000</b>	<b>2.800.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	9.100.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	2.800.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>241.231.980</b>	<b>71.004.496</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	241.231.980	71.004.496
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<b>82.979.154.899</b>	<b>49.093.158.322</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ( Tiếp theo )**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>48.593.264.960</b>	<b>29.588.388.241</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>46.506.971.270</b>	<b>29.552.094.551</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	29.780.454.000	14.946.002.600
2. Phải trả người bán	312	V.13	6.956.239.397	114.166.464
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	4.901.033.035	4.177.268.084
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	13.280.054	95.866.808
5. Phải trả người lao động	315		573.019.380	46.074.167
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	4.282.945.404	10.172.716.428
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.086.293.690</b>	<b>36.293.690</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.17	2.086.293.690	36.293.690
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.385.889.939</b>	<b>19.504.770.081</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>34.385.889.939</b>	<b>19.504.770.081</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	26.537.620.472
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		22.103.775	22.103.775
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.636.213.836)	(7.054.954.166)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>82.979.154.899</b>	<b>49.093.158.322</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

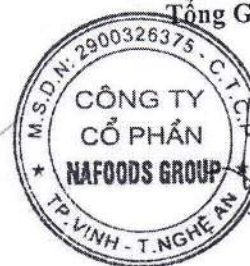
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại (USD)		334,55	354,82

Lập, ngày 18 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Mạnh Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

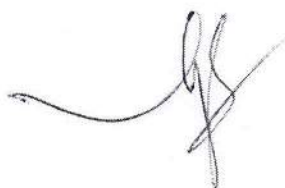
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.19	147.520.211.150	6.120.356.231
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.20	220.554.357	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>147.299.656.793</b>	<b>6.120.356.231</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	135.540.693.631	7.811.743.481
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>11.758.963.162</b>	<b>(1.691.387.250)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	3.171.826.986	2.754.426.623
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	1.737.279.022	1.942.669.676
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.281.386.523	1.758.925.989
8. Chi phí bán hàng	24		8.475.600.453	1.450.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.413.622.604	3.616.076.048
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.304.288.069</b>	<b>(4.497.156.351)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.24	180.311.973	22.922.510
12. Chi phí khác	32	VI.25	65.859.712	117.631.282
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>114.452.261</b>	<b>(94.708.772)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.418.740.330</b>	<b>(4.591.865.123)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.418.740.330</b>	<b>(4.591.865.123)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	452	(1.730)

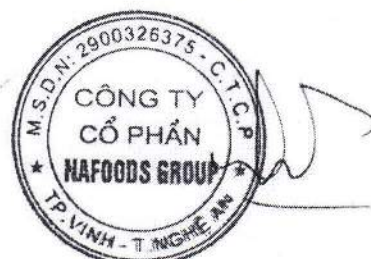
Lập, ngày 18 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Mạnh Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

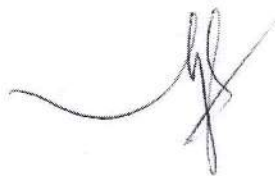
**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	28.296.830.928	(5.674.997.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.026.084.625	10.156.202
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.398.319	9.247.387
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	982	(5.269)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.045.483.927	19.398.319

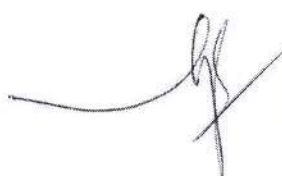
Lập, ngày 18 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu



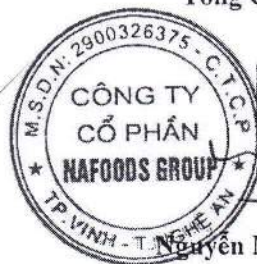
Nguyễn Thị Trang

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hùng

10/10/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Năm 2013****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP (sau đây gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 29003326375 lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2010 và Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính: Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan; phường Quán Bàu; thành phố Vinh; tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn điều lệ:

<b>Cổ đông góp vốn</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	160.000.000.000	80 %
Ông Nguyễn Mạnh Cường	20.000.000.000	10 %
Bà Phan Thị Minh Châu	20.000.000.000	10 %
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;

- Chăn nuôi khác;

Chi tiết: Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác;

- Bán buôn tổng hợp

Chi tiết: Mua bán giống cây trồng, vật nuôi;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

#### 1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### 1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu đó tại thời điểm báo cáo

### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 15 năm

Trong năm, tài sản cố định không sử dụng là dây truyền sản xuất tương ớt và dây truyền sản xuất bánh mỳ có nguyên giá là: 24.956.000.000 đồng, khấu hao lũy kế đến thời điểm 31/12/2013 số tiền là: 5.823.066.667 đồng.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

#### Chi phí trả trước:

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** là công cụ dụng cụ thuộc loại tài sản lưu động xuất dùng một lần phải phân bổ nhiều tháng trong một năm.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Chi phí công cụ dụng cụ có giá trị lớn

15  
T  
Đ  
Đ  
Đ  
Đ  
Đ

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

*Nguyên tắc ghi nhận cổ tức:* Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

### 9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*10.2. Doanh thu hoạt động tài chính:* Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Cô tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

### 13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tiền mặt	-	412.156.137	-	6.704.213
- Tiền gửi Ngân hàng:	-	3.633.327.790	-	12.694.106
Tiền gửi VND	-	3.626.273.803	-	5.308.528
+ NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Nghệ An	-	556.616	-	978.726
+ NH TMCP Quân đội - CN Nghệ An	-	1.898.004	-	1.888.473
+ NH TMCP Ngoại Thương VN - CN Vinh	-	3.622.017.459	-	2.043.540
+ NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	-	397.789
+ NH NN & PT NT VN Tỉnh Nghệ An	-	785.817	-	-
+ NH TMCP Quốc tế - CN Vinh	-	1.015.907	-	-
Tiền gửi USD	-	7.053.987	-	7.385.578
+ NH TMCP Ngoại Thương VN - CN Vinh	-	7.053.987	-	7.385.578
<b>Cộng</b>	-	<b>4.045.483.927</b>	-	<b>19.398.319</b>
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cho cá nhân vay	-	9.609.341.244	-	7.485.829.404
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	-	4.328.812.600	-	142.305.993
- Bà Nguyễn Thị Minh	-	249.380.584	-	3.017.340.142
- Ông Phan Văn Hội	-	215.859.304	-	4.326.183.269
- Ông Nguyễn Đình Hùng	-	4.815.288.756	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>9.609.341.244</b>	-	<b>7.485.829.404</b>
3. Phải thu khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Công ty CP Bánh kẹo ANCO		330.000.000		330.000.000
- Công ty TNHH Màu xanh đổi mới		1.260.000.000		1.260.000.000
- Công ty CP Tân Tân		4.176.437.050		4.176.437.050
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An		62.537.900		81.541.336
- KH International Incooperating		735.965.496		-
- Yoke Food Industriessdn		360.684.939		-
- Công ty CP Đầu tư PT NN Napaga		146.207.050		-
- Nature's First INC		136.575		-
<b>Cộng</b>		<b>7.071.969.010</b>		<b>5.847.978.386</b>
4. Trả trước người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Công ty TNHH TM & DV Hiền Dũng		177.500.000,00		-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An.

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Khoản mục	Đơn vị tính: VNĐ					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình</b>						
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư đầu năm	1.464.692.938	25.603.544.681	791.417.147	48.252.237	184.263.600	28.092.170.603
- Mua trong năm	200.000.000	190.822.511	1.060.472.845	-	-	1.451.295.356
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	6.392.096.444	6.392.096.444
- Giảm khác	-	-	-	(48.252.237)	(19.588.500)	(67.840.737)
Số dư cuối năm	1.664.692.938	25.794.367.192	1.851.889.992	-	6.556.771.544	35.867.721.666
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	565.182.381	4.774.971.633	243.973.716	24.552.807	87.584.017	5.696.264.554
- Khấu hao trong năm	90.600.027	1.673.644.555	174.457.355	8.154.714	8.667.602	1.955.524.253
- Giảm khác	-	-	-	(32.707.521)	(15.910.246)	(48.617.767)
Số dư cuối năm	655.782.409	6.448.616.188	418.431.071	-	80.341.373	7.603.171.041
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
- Tại ngày đầu năm	899.510.557	20.828.573.048	547.443.431	23.699.430	96.679.583	22.395.906.049
- Tại ngày cuối năm	1.008.910.529	19.345.751.004	1.433.458.921	-	6.476.430.171	28.264.550.625

- Nguyên giá TSCĐ không sử dụng là: 24.956.000.000 đồng

- Khấu hao lũy kế TSCĐ không sử dụng đến thời điểm 31/12/2013 là: 5.823.066.667 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Nhà xưởng		213.636.364		213.636.364
- Dự án nhà máy bột lạc		316.070.000		316.070.000
- Dự án trồng gác giai đoạn 2		398.500.429		-
<b>Cộng</b>		<b>928.206.793</b>		<b>529.706.364</b>

10. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nông Nghiệp NAPAGA	910.000	9.100.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>910.000</b>	<b>9.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

11. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- CCDC xuất dùng		141.344.552		-
- Chi phí khác		99.887.428		71.004.496
<b>Cộng</b>		<b>241.231.980</b>		<b>71.004.496</b>

12. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Vay ngắn hạn USD		29.780.454.000		14.946.002.600
- NH TMCP Ngoại thương Nghệ An		29.780.454.000		14.946.002.600
<b>Cộng</b>		<b>29.780.454.000</b>		<b>14.946.002.600</b>

13. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An		2.676.431.831		-
- Công ty TNHH Nước giải khát Delta		2.404.441.166		-
- Công ty CP ĐT và Giao thông vận tải Toàn Cầu		213.602.922		-
- Công ty TNHH TMDV & KT Trọng Tín		239.800.000		-
- Công ty Khơi Minh		-		33.566.364
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội		-		80.000.000
- Ông Nguyễn Đình Chiến		270.910.000		-
- Các đối tượng khác		1.151.053.478		600.100
<b>Cộng</b>		<b>6.956.239.397</b>		<b>114.166.464</b>

14. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- World foods and Flavors		643.941.239		1.980.117.981
- FLAGFOOD		4.132.748.842		2.197.150.103
- SUE YIN ASIA		124.342.954		-
<b>Cộng</b>		<b>4.901.033.035</b>		<b>4.177.268.084</b>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Thuế thu nhập cá nhân		13.280.054		54.500.995
- Tiền thuế đất		-		41.365.813
<b>Cộng</b>		<b>13.280.054</b>		<b>95.866.808</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>16. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	20.019.637	1.731.349
- Phải trả, phải nộp khác	4.262.925.767	10.170.985.079
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	-	38.118.900
Ông Nguyễn Hồ Hoàn	-	46.021.792
Công ty cổ phần Bánh kẹo ANCO	-	10.515.751
Bà Phan Thị Minh Châu	983.384.763	1.069.659.636
Ông Nguyễn Duy Quang	3.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Màu xanh đổi mới	-	6.669.000
Công ty CPTP Nghệ an	220.000.000	5.000.000.000
Phải trả đối tượng khác	59.541.004	-
<b>Cộng</b>	<b>4.282.945.404</b>	<b>10.172.716.428</b>
<b>17. Phải trả dài hạn khác</b>		
- Nhận ký quỹ ký cược của NLD	86.293.690	36.293.690
- Nhận ký quỹ ký cược của Cty CP ĐT & PTNN Napaga	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.086.293.690</b>	<b>36.293.690</b>

18/8  
TY  
11  
16  
14

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**18. Vốn chủ sở hữu****18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	26.537.620.472	22.103.775	(2.463.089.043)	24.096.635.204	
- Lỗ trong năm trước	-	-	(4.591.865.123)	(4.591.865.123)	
Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay	26.537.620.472	22.103.775	(7.054.954.166)	19.504.770.081	
- Tăng vốn trong năm nay	13.462.379.528	-	-	13.462.379.528	
- Lãi trong năm nay	-	-	1.418.740.330	1.418.740.330	
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	22.103.775	(5.636.213.836)	34.385.889.939	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**18.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	32.000.000.000	21.230.096.378
- Ông Nguyễn Mạnh Cường	4.000.000.000	2.653.762.047
- Bà Phan Thị Minh Châu	4.000.000.000	2.653.762.047
<b>Tổng</b>	<b><u>40.000.000.000</u></b>	<b><u>26.537.620.472</u></b>

**18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>26.537.620.472</b>
+ Vốn góp đầu năm	26.537.620.472	26.537.620.472
+ Vốn góp tăng trong năm	13.462.379.528	-
+ Vốn góp giảm cuối năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	26.537.620.472

**18.4. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	4.000.000	2.653.762
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	2.653.762
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	2.653.762
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	2.653.762
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/ cổ phiếu

**18.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ dự phòng tài chính	22.103.775	22.103.775

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>19. Doanh thu</b>			
- Doanh thu bán hàng hóa		147.520.211.150	6.120.356.231
<b>Cộng</b>		<u>147.520.211.150</u>	<u>6.120.356.231</u>
<b>20. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>			
- Giảm giá hàng bán		220.554.357	-
<b>Cộng</b>		<u>220.554.357</u>	-
<b>21. Giá vốn</b>			
- Giá vốn bán hàng hóa		135.540.693.631	7.811.743.481
<b>Cộng</b>		<u>135.540.693.631</u>	<u>7.811.743.481</u>
<b>22. Doanh thu hoạt động tài chính</b>			
- Lãi tiền gửi, tiền vay		2.879.506.794	1.978.046.540
- Lãi trả chậm		-	62.358.264
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		4.643.105	54.988.011
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		287.677.087	659.033.808
<b>Cộng</b>		<u>3.171.826.986</u>	<u>2.754.426.623</u>
<b>23. Chi phí hoạt động tài chính</b>			
- Lãi tiền vay		678.757.673	1.758.925.989
- Lãi bảo lãnh thế chấp		-	138.430.587
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		10.843.473	45.313.100
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		281.851.118	-
- Chi phí tài chính khác		765.826.758	-
<b>Cộng</b>		<u>1.737.279.022</u>	<u>1.942.669.676</u>
<b>24. Thu nhập khác</b>			
- Phạt CBNV vi phạm qui định		-	1.405.700
- Thanh lý trang thiết bị		85.024.000	-
- Thu nhập khác		95.287.973	21.516.810
<b>Cộng</b>		<u>180.311.973</u>	<u>22.922.510</u>
<b>25. Chi phí khác</b>			
- Các khoản chậm nộp, phạt		-	22.204.949
- Chi khấu hao TSCĐ không hoạt động SX		38.213.016	-
- Chi phí khác		27.646.696	95.426.333
<b>Cộng</b>		<u>65.859.712</u>	<u>117.631.282</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	1.418.740.330	(4.591.865.123)
Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	2.653.762	2.653.762
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm	1.346.238	-
Số ngày lưu hành của cổ phiếu phát hành thêm	171	-
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.138.489	2.653.762
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>452</b>	<b>(1.730)</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch (VND)	
		Năm nay	Năm trước
<b>Cho cá nhân vay</b>			
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	4.326.736.889	25.974.842

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tạm ứng</b>			
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	693.786.800	623.638.400
<b>Phải thu khác</b>			
- Công ty ĐT và PTNN Napaga	Công ty liên kết	5.939.052.171	-

**2. Công cụ tài chính****2.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**2.2 Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

N.N.C  
 TRÁI  
 KIỂM 1  
 THẢ  
 7  
 CHIA

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
- Tiền, các khoản tương đương tiền	4.327.220.898	4.327.220.898
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.609.341.244	7.485.829.404
- Các khoản phải thu khách hàng	7.071.969.010	2.966.463.075
- Trả trước cho người bán	962.506.828	962.506.828
- Phải thu khác	7.386.495.281	7.212.558.281
- Đầu tư tài chính dài hạn	9.100.000.000	9.100.000.000

**2.3 Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cũng như các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	<u>Số cuối năm</u>
- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	29.780.454.000
- Phải trả người bán	6.956.239.397
- Người mua trả tiền trước	4.901.033.035
- Phải trả khác	6.369.239.094

**2.4 Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

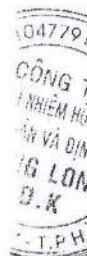
Rủi ro thị trường: Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng một số lượng lớn từ các nhà cung cấp, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

<b>Đối tượng</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
- Phải trả người bán	6.956.239.397	-	6.956.239.397
- Người mua trả trước	4.901.033.035	-	4.901.033.035
- Phải trả khác	4.282.945.404	-	4.282.945.404
- Vay ngắn hạn	29.780.454.000	-	29.780.454.000
- Phải trả dài hạn khác	-	2.086.293.690	2.086.293.690

**3. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.





**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

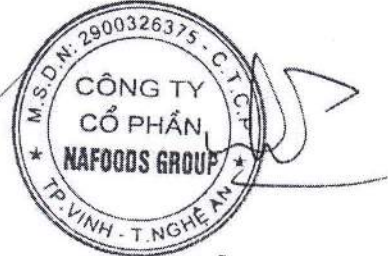
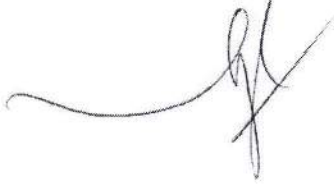
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Lập, ngày 18 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu *cfh*

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc *call*



Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Mạnh Hùng

